

Số: /QĐ-UBND

Lai Châu, ngày tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch giao rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Xét đề nghị của UBND các xã, phường và Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1277/TTr-SNNMT ngày 10 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch giao rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm 2026 của UBND các xã, phường với nội dung sau:

1. Hiện trạng giao rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh Lai Châu

- Hiện trạng giao rừng: Tổng diện tích rừng trên địa bàn các xã, phường là 454.747,32 ha, không bao gồm diện tích cây Cao su (gồm 37/38 xã, phường¹); trong đó: Diện tích rừng đã giao là 2.891,72 ha; diện tích rừng chưa giao là 451.855,60 ha.

¹ Không có xã Mường Tè do diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp đã giao cho Ban Quản lý rừng phòng hộ quản lý chỉ có 0,3 ha rừng phòng hộ nên chưa lập Kế hoạch giao rừng năm 2026

- Hiện trạng chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: Từ năm 2021 đến nay trên địa bàn tỉnh cấp có thẩm quyền đã quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác cho 26 dự án với tổng diện tích 150,2611 ha, gồm: Rừng tự nhiên 130,2878 ha, rừng trồng 19,9733 ha.

2. Kế hoạch giao rừng năm 2026

- Tổng diện tích rừng đưa vào kế hoạch giao rừng năm 2026 là 136.948,22 ha, được xác định cụ thể theo địa danh hành chính, tiểu khu, khoảnh, lô rừng và hồ sơ kỹ thuật kèm theo Quyết định này. Trong đó: rừng tự nhiên 136.676,11 ha; rừng trồng 272,11 ha; thuộc quy hoạch rừng phòng hộ, cụ thể như sau:

STT	Xã, phường	Diện tích rừng giao (ha)			Ghi chú
		Tổng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	
Tổng		136.948,22	136.676,11	272,11	
1	Xã Pắc Ta	3.279,33	3.279,33		
2	Xã Mường Kim	1.508,49	1.497,50	10,99	
3	Xã Khoen On	1.813,78	1.813,78		
4	Xã Than Uyên	2.185,78	2.052,29	133,49	
5	Xã Mường Than	1.533,94	1.529,57	4,37	
6	Tân Uyên	5.288,90	5.288,63	0,27	
7	Xã Mường Khoa	2.372,54	2.372,54		
8	Xã Nậm Sỏ	1.791,35	1.791,35		
9	Xã Nậm Cuối	760,00	760,00		
10	Xã Nậm Mạ	334,15	334,15		
11	Phường Tân Phong	1.031,45	1.029,38	2,07	
12	Phường Đoàn Kết	551,71	551,71		
13	Xã Bản Bo	3.067,83	3.055,62	12,21	
14	Xã Bình Lư	6.744,92	6.695,44	49,48	
15	Xã Tả Lèng	2.737,22	2.737,22		
16	Xã Khun Há	3.455,88	3.450,75	5,13	
17	Xã Lê Lợi	2.002,13	2.002,13		
18	Xã Mường Mô	7.100,90	7.100,90		
19	Xã Nậm Hàng	4.263,65	4.263,65		
20	Xã Hua Bum	8.695,49	8.695,49		
21	Xã Pa Tần	4.817,46	4.817,46		
22	Xã Sin Suối Hồ	7.194,13	7.194,13		
23	Xã Phong Thổ	1.625,36	1.583,13	42,23	
24	Xã Không Lào	2.641,01	2.641,01		
25	Xã Đào San	3.687,29	3.687,29		
26	Xã Sì Lở Lầu	5.453,77	5.453,77		

STT	Xã, phường	Diện tích rừng giao (ha)			Ghi chú
		Tổng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	
27	Xã Bum Tờ	6.090,59	6.090,59		
28	Xã Thu Lũm	5.475,14	5.475,14		
29	Xã Pa Ủ	10.371,08	10.371,08		
30	Xã Bum Nưa	8.425,87	8.425,87		
31	Xã Mù Cả	910,10	907,07	3,03	
32	Xã Tà Tổng	5.363,37	5.363,37		
33	Xã Nậm Tăm	3.075,09	3.075,09		
34	Xã Hồng Thu	1.298,47	1.298,30	0,17	
35	Xã Pu Sam Cáp	3.981,27	3.981,27		
36	Xã Sin Hồ	1.174,45	1.174,45		
37	Xã Tủa Sín Chải	4.844,33	4.835,66	8,67	

- Đối tượng được giao rừng: Ban Quản lý rừng phòng hộ thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lai Châu.

- Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm 2026

Tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm 2026 là 536,7224 ha để dự kiến thực hiện 92 công trình dự án trên địa bàn 32 xã, phường (trong đó: Rừng tự nhiên 451,0305 ha, rừng trồng 85,6919 ha), cụ thể như sau:

TT	Xã, phường	Diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng (ha)			Ghi chú
		Tổng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	
Tổng cộng		536,7224	451,0305	85,6919	
1	Xã Bình Lư	26,6923	25,9673	0,725	
2	Xã Bum Tờ	9,782	9,782		
3	Phường Đoàn Kết	2,8863	2,7426	0,1437	
4	Xã Hồng Thu	0,199	0,189	0,01	
5	Xã Khổng Lào	3,8262		3,8262	
6	Xã Khun Há	0,1731	0,1711	0,002	
7	Xã Lê Lợi	4,5583	0,1449	4,4134	
8	Xã Mù Cả	23,1047	23,1047		
9	Xã Mường Tè	6,9539	6,9385	0,0154	
10	Xã Mường Than	0,3556		0,3556	
11	Xã Nậm Tăm	19,4393	17,6391	1,8002	
12	Xã Pa Tần	20,8169	20,8169		

TT	Xã, phường	Diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng (ha)			Ghi chú
		Tổng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	
13	Xã Pắc Ta	4,3072	0,0589	4,2483	
14	Xã Pa Ủ	31,9978	31,9978		
15	Xã Thu Lũm	48,493	46,5045	1,9885	
16	Xã Phong Thổ	32,232	1,272	30,96	
17	Xã Sì Lớ Lầu	10,3292	10,1994	0,1298	
18	Xã Sìn Hồ	7,4821	6,4516	1,0305	
19	Phường Tân Phong	2,67	1,73	0,94	
20	Xã Tân Uyên	0,8887	0,1262	0,7625	
21	Xã Tủa Sín Chải	19,8755	12,8290	7,0465	
22	Xã Mường Kim	0,4087	0,4087		
23	Xã Khoen On	15,0811	15,0811		
24	Xã Tả Lèng	0,847	0,847		
25	Xã Sìn Suối Hồ	68,4603	68,2445	0,2158	
26	Xã Pu Sam Cáp	109,04	98,35	10,69	
27	Xã Hua Bum	0,1444	0,1444		
28	Xã Tả Tổng	11,2923	11,2923		
29	Xã Than Uyên	19,65	5,65	14	
30	Xã Bum Nưa	0,53	0,0015	0,5285	
31	Mường Mô	16,6002	14,7402	1,86	
32	Xã Đào San	17,6053	17,6053		

(Chi tiết có các biểu kèm theo)

Điều 2. Căn cứ Điều 1 của Quyết định này, các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Ủy ban nhân dân xã, phường có trách nhiệm:

1. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kế hoạch được duyệt, Ủy ban nhân dân xã, phường thực hiện công khai Kế hoạch giao rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường và trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân xã, phường theo quy định về công khai thủ tục hành chính và quản lý tài nguyên rừng.

b) Thực hiện giao rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo đúng Kế hoạch đã được duyệt.

c) Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch giao rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

d) Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Nhà nước về giao rừng, quyền và nghĩa vụ của chủ rừng đến các tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan.

đ) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị liên quan trong việc xác định ranh giới, mốc giới khu rừng, thẩm định hồ sơ quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; rà soát, xử lý các trường hợp chồng lấn, tranh chấp đất rừng (nếu có).

e) Hằng năm tổ chức xây dựng kế hoạch giao rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với diện tích chưa được giao, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn theo đúng quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lai Châu

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện giao rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt.

b) Lập kinh phí giao rừng gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt đối với diện tích rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh giao; tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện giao rừng của các xã, phường, gửi Sở Tài chính tổng hợp.

c) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện giao rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo kế hoạch đã được phê duyệt; thường xuyên kiểm tra việc thực hiện giao rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; kịp thời tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

d) Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch; tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh kế hoạch khi cần thiết theo quy định của pháp luật.

đ) Lập trích lục bản đồ địa chính đối với diện tích đất lâm nghiệp được giao; thực hiện cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai, cơ sở dữ liệu lâm nghiệp theo quy định.

e) Chỉ đạo Ban Quản lý rừng phòng hộ hoàn thiện hồ sơ đề nghị giao rừng; tiếp nhận diện tích rừng được giao và tổ chức quản lý, bảo vệ rừng theo quy định của pháp luật.

3. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã, phường, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện giao rừng theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- VP UBND tỉnh: V1, V2, Kt1;
- Lưu: VT, Kt9.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Trọng Hải